

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc, Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



Ký bởi: SỞ
CÔNG
THƯƠNG
Ngày ký: 30-
07-2026
16:14:19
+07:00



Kính gửi: **SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

Nha trang, ngày 22 tháng 07 năm 2026

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho 04 sản phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số công bố	Ngày công bố
1	Sô Cô La đen hiệu BUCHERON	91/Moonmilk/2026	15/07/2026
2	Sô cô la sữa Blanc Edition Hiệu BUCHERON	92/Moonmilk/2026	15/07/2026
3	Sô cô la đen hạt dẻ cười 72% hiệu BUCHERON	93/Moonmilk/2026	15/07/2026
4	Sô cô la đen với hạnh nhân hiệu BUCHERON	94/Moonmilk/2026	15/07/2026

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Long

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 91/Moonmilk/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: import1.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Socola đen hiệu BUCHERON
2. Thành phần: Ca cao khối, đường, bột ca cao, bơ ca cao, chất nhũ hóa (lecithin đậu nành), chiết xuất vanillin, Có thể chứa một lượng nhỏ các sản phẩm từ sữa, các loại hạt và đậu phộng.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói: 90g, hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.
5. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói bằng giấy nhôm và nhãn giấy, hoặc đóng gói bằng PP hay PE sau đó đóng trong hộp giấy.
6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: SOBRANIE LLC
7. Địa chỉ: 152385, Vùng Yaroslavl, huyện Bolsheselsky, làng Varegovo (huyện Varegovsky), phố Nowy Put, 36.

III. Mẫu nhãn sản phẩm dự thảo: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Bảng thông số sản phẩm

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2026



Nguyễn Hữu Long



Độc tố vi nấm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	Ug/kg	5
2	Aflatoxin Tổng số	Ug/kg	15

Kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	Mg/kg	2,0
2	Arsen (As)	Mg/kg	1,0
3	Cadimi (Cd)	Mg/kg	1,0
4	Thủy Ngân (Hg)	Mg/kg	0,05

Các chỉ tiêu vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10000
2	Tổng số bào tử nấm men – mốc	CFU/g	500
3	Coliforms	CFU/g	10
4	E.coli	CFU/g	Không có
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	Không có
6	Clostridium perfringens	CFU/g	Không có
7	Bacillus cereus	CFU/g	Không có



Nhãn phụ dự kiến

- **Sô cô la đen hiệu BUCHERON**

Thành phần: Ca cao khối, đường, bột ca cao, bơ ca cao, chất nhũ hóa (lecithin đậu nành), chiết xuất vanillin, Có thể chứa một lượng nhỏ các sản phẩm từ sữa, các loại hạt và đậu phộng.

Giá trị dinh dưỡng trên 100 g (+/-20%):

Năng lượng: 540 kcal

Đạm / Protein: 11.5 g

Carbohydrate: 31.4 g

Đường: 28.1 g

Béo tổng: 41 g

Natri: 4.01 mg

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Bảo quản từ 5 đến 22 độ C và độ ẩm tương đối không quá 70%. Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
- Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
- Hạn sử dụng : 24 tháng từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: SOBRANIE LLC
- Địa chỉ: 152385, Vùng Yaroslavl, huyện Bolsheselsky, làng Varegovo (huyện Varegovsky), phố Nowy Put, 36.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 91/Moonmilk/2026

Limited Liability Company "SOBRANIE"

(SOBRANIE LLC)

152385 Russia, Yaroslavl Region, Bolsheselsky District, Varegovo village (Varegovsky rural settlement), 36 Novy Put St.,
INN 7613000845, KPP 761301001, OGRN 1117611002420,
Tel./fax: 8-(48542) 2-53-10, E-mail: info@sobranie.ltd



Information Letter

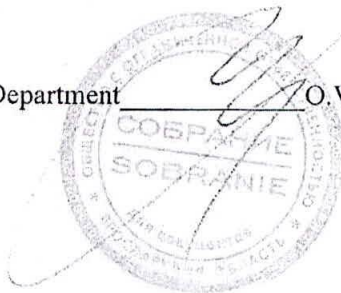
We hereby confirm that the sodium and sugar content in the finished products corresponds to the data stated in the table.

No	Product Description	Sodium	Sugars
1	BUCHERON dark chocolate with pistachios, w/w, 100 g	5.2	24
2	BUCHERON BLANC EDITION milk chocolate, 85 g	126	41
3	BUCHERON THE ORIGINAL dark chocolate, 90 g	4.4	36
4	BUCHERON THE ORIGINAL dark chocolate with almonds, 90 g	4.4	36

Chocolate contains B vitamins, as well as vitamins A and E.

Head of the Production and Technology Department

O.V. Kudelina



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Long

BẢN DỊCH

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Nha Trang, Ngày 17 tháng 9 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Kính gửi các cơ quan hữu quan!

Công ty: MOONMILK

Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4201570744 Điện thoại: 0976682860

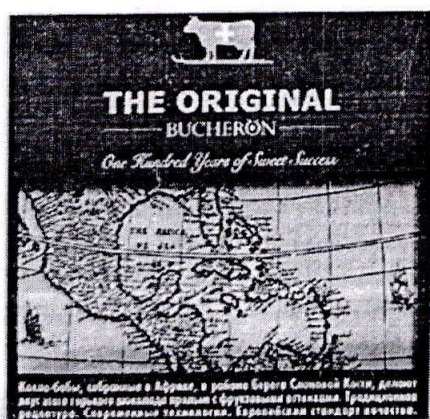
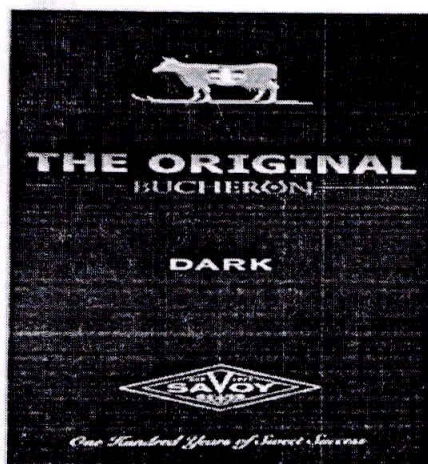
Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Long Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành về nhãn hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu, công ty Moonmilk xin xác nhận nhãn thực phẩm nhập khẩu theo thông tin sau:

Tên sản phẩm: Socola đen hiệu BUCHERON

Xuất xứ: Nga

Nhãn chính:



SÔ CÔ LA ĐEN

SÔ CÔ LA ĐEN. Thành phần: Ca cao khối, đường, bột ca cao, bơ ca cao, chất nhũ hòa (lecithin đậu nành), chiết xuất vanillin. Có thể chứa một lượng nhỏ các sản phẩm từ sữa, các loại hạt và đậu phộng. Tổng hàm lượng ca cao khô trong khối sô cô la không dưới 62,0%, khối sô cô la chứa không quá 5% đường lượng bơ ca cao. Tổng hàm lượng các sản phẩm ca cao trong khối sô cô la không dưới 62,0%. Giá trị dinh dưỡng trên 100 g sản phẩm (giá trị vượt quá): protein — 8,0 g; chất béo - 35,0 g (bao gồm phần chất béo bão hòa - 20,0%, phần khối lượng đồng phân trans của axit béo không bão hòa - không quá 0%); carbohydrate - 45,0 g. Giá trị năng lượng (100 g): 530 kcal/2220 kcal. Bảo quản ở nhiệt độ từ +5°C đến +22°C và độ ẩm tương đối không quá 70%. Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời. | GOST R70337-2022.

Nhà sản xuất:
"SOBRANIE" LLC, Nga,
152385. Vùng Yaroslavl,
huyện Bolsheselsky, làng
Varegovo (huyện
Varegovsky), phố Nowy
Put, 36. Hệ thống quản lý an
toàn thực phẩm được chứng
nhận theo tiêu chuẩn quốc tế
ISO 22000:2018.



KHỐI LƯỢNG TỊNH 90G

ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK
GIÁM ĐỐC

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Hữu Long

 1

BẢN DỊCH

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi Nguyễn Thị Thanh Tuyền, Căn cước công dân số: 038189051854, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt

Ngày 02 tháng 10 năm 2025

Người dịch

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Ngày 02 tháng 10 năm 2025 (Bằng chữ: Ngày hai tháng mười năm hai ngàn không trăm hai mươi lăm). Tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ: Số 13 Hoàng Hoa Thám, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tôi Lê Tấn Trung, là công chứng viên, Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa

CHỨNG THỰC

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: ...**0.0.1.1.6.0**... quyền số: 02/2025-SCT/CKND.

Ngày 02 tháng 10 năm 2025

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Tấn Trung

GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Kính gửi các cơ quan hữu quan!

Công ty: MOONMILK

Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

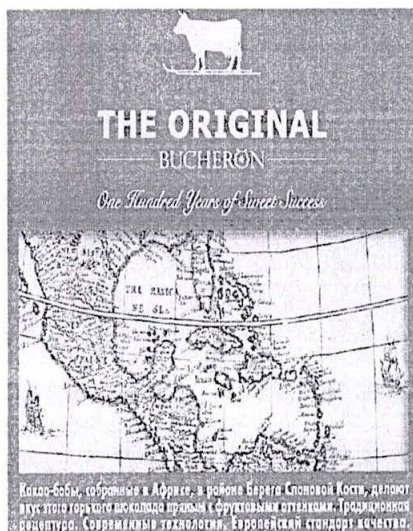
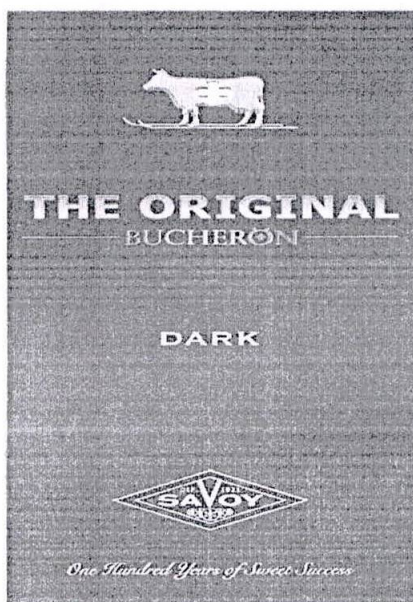
Mã số thuế: 4201570744 Điện thoại: 0976682860

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Long Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành về nhãn hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu, công ty Moonmilk xin xác nhận nhãn thực phẩm nhập khẩu theo thông tin sau:

Tên sản phẩm: Socola đen hiệu BUCHERON Xuất xứ: Nga

Nhãn chính:



ГОРЬКИЙ ШОКОЛАД

RU/RU | Состав: какао-тертое, сахар, какао-порошок, масло какао, эмульгатор (лецитин соевый), экстракт ванили. Может содержать следы молочных продуктов, орехов и арахиса. Общее содержание сухого остатка какао в шоколадной массе — не менее 62,0%, шоколадная масса содержит не более 5% эквивалентов какао-масла. Общее содержание какао-продуктов в шоколадной массе — не менее 62,0%. Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): белки — 8,0 г; жиры — 35,0 г (в том числе массовая доля насыщенных жирных кислот не более 20,0%, массовая доля трансизомеров ненасыщенных жирных кислот — не более 0,5%); углеводы — 45,0 г. Энергетическая ценность (100 г): 530 ккал/2220 кДж. Хранить при температуре от +5 °C до +22 °C и относительной влажности воздуха не более 70%. Не подвергать воздействию прямого солнечного света. ГОСТ Р 70337-2022. Изготовитель: ООО «СОБРАНИЕ», Россия, 152385, Ярославская обл., Большесельский р-н, с. Варегово (Вареговский с/п), ул. Новый Путь, д. 36. Система менеджмента безопасности пищевой продукции сертифицирована по международному стандарту ISO 22000:2018.

KZ | **АЩЫ ШОКОЛАД**. Құрамы: ұйтпен какао, қант, какао ұнтағы, какао майы, эмульгатор (соя лецитин), ваниль сығындысы. Құрамында сүт өнімдерінің, жанықтардың және жержаңғақтың іздері болуы мүмкін. Шоколадты массаның какаоның құрғақ қалдығының жалпы қалдығы — 62,0%-дан кем емес, шоколадты массаның құрамында какао-майы баламасының 5%-дан асыптын мөлшері бар. Шоколадты массаның какао өнімдерінің жалпы мөлшері — 62,0%-дан кем емес, 100 г өнімнің тағарлық құндылығы (орташа мән): ақуқадор — 8,0 г, майлар — 35,0 г (соның ішінде қаныққан майлы қышқылдардың массалық үлесі — 20,0%-дан арық емес, қаныққан майлы қышқылдардың трансформерлерінің массалық үлесі — 0,5%-дан арық емес); көмірсулар — 45,0 г. Энергетикалық құндылығы (100 г): 530 ккал/2220 кДж. +5 °C-ден +22 °C дейінгі температурада және ауаның 70%-дан асатын салыстырмалы ылғалдылығында сақтау керек. Тұра-құн сәулетінің әсер-етіне ұшыратпау керек. ГОСТ Р 70337-2022. Өндіруші: «СОБРАНИЕ» ЖШҚ, Ресей, 152385, Ярославль обл., Большесельский ауд., Варегово а. (Варегово а/к), Новый Путь ж-а, 36-қй. Тағарлық өнім қауіпсіздігі менеджментінің жүйесі ISO 22000:2018 халықаралық стандарт бойынша сертифицирланған.

EN | **DARK CHOCOLATE**. Ingredients: cocoa mass, sugar, cocoa powder, cocoa butter, emulsifier (soy lecithin), vanilla extract. May contain traces of dairy products, nuts and peanuts. The total content of dry cocoa residue in the chocolate mass is not less than 62.0%, chocolate mass contains no more than 5% of cocoa butter equivalents. The total content of cocoa products in the chocolate mass is not less than 62.0%. Nutritional value per 100 g of product (average values): protein — 8.0 g; fat — 35.0 g (including the mass fraction of saturated fatty acids — 20.0%, the mass fraction of transisomers of unsaturated fatty acids — not more than 0.5%); carbohydrates — 45.0 g. Energy content (100 g): 530 kcal/2220 kJ. Store at a temperature of +5 °C to +22 °C and a relative humidity of no more than 70%. Do not expose to direct sunlight. ГОСТ Р 70337-2022. Manufacturer: "SOBRANIE" LLC, Russia, 152385, Yaroslavl region, Bolsheselsky district, Varegovo village (Varegovsky village council), st. Novy Put, 36. Food safety management system is certified according to the international standard ISO 22000:2018.

EAC

4 610088 203260

SOBRANIE®

Дата изготовления/Өндірілген күні/Production date:

Годен доз/Жарамдылық мерзімі/Best before:

MACCA NETTO 90 Г / ТАЗА САЛМАҒЫ 90 Г / NET WEIGHT 90 G

SOBRANIE.COM.RU Изображение носит иллюстративный характер

DAI DIEN CÔNG TY MOONMILK
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH
MOONMILK
T. NHA TRANG - T. KHANH HOA
Nguyễn Hữu Long



Trang/ Page No: 1/2

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OKC9250900616-4

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 23/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 23/09/2025 - 04/10/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 04/10/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SOCOLA ĐEN HIỆU BUCHERON
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.026	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.072	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	0.052	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)
6	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	0	MPN/g	TCVN 7924-3:2017(ISO 16649-3:2015)
7	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
8	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	ISO 15213-2:2023
9	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
10	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	<10	CFU/g	TCVN 8275-2:2010(ISO 21527-2:2008)
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	4.3×10^3	CFU/g	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)





Trang/ Page No: 2/2

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OKC9250900616-4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
13	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**).(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
TRẦN HOÀNG VINH



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 92/Moonmilk/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: import1.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Sô cô la sữa Blanc Edition Hiệu Bucheron
2. Thành phần: Đường, Bơ cao, bột whey, khối cao, sữa bột tách béo, bơ copa tương đương, sữa, bột cao, chắt chũ hóa (lecithin đậu nành), hương liệu chiết xuất vonila.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói: 85g, hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.
5. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói bằng giấy nhôm và nhãn giấy, hoặc đóng gói bằng PP hay PE sau đó đóng trong hộp giấy.
6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: SOBRANIE LLC
7. Địa chỉ: 152385, Vùng Yaroslavl, quận Balsheselsky, làng Vargovo (huyện Vargovsky), số 36 đường Noviy put.

III. Mẫu nhãn sản phẩm dự thảo: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Bảng thông số sản phẩm

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2026



ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Long

Độc tố vi nấm



Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	Ug/kg	5
2	Aflatoxin Tổng số	Ug/kg	15

Kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	Mg/kg	2,0
2	Arsen (As)	Mg/kg	1,0
3	Cadimi (Cd)	Mg/kg	1,0
4	Thủy Ngân (Hg)	Mg/kg	0,05

Các chỉ tiêu vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10000
2	Tổng số bào tử nấm men – mốc	CFU/g	500
3	Coliforms	CFU/g	10
4	E.coli	CFU/g	Không có
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	Không có
6	Clostridium perfringens	CFU/g	Không có
7	Bacillus cereus	CFU/g	Không có

Nhãn phụ dự kiến



- **Sô cô la sữa Blanc Edition Hiệu Bucheron**

Thành phần: Đường, Bơ cao, bột whey, khối cao, sữa bột tách béo, bơ copa tương đương, sữa, bột cao, chất chũ hóa (lecithin đậu nành), hương liệu chiết xuất vonila.

Giá trị dinh dưỡng trên 100 g (+/-20%):

Năng lượng: 551 kcal

Đạm / Protein: 9.75 g

Carbohydrate: 51.6 g

Đường: 45.2 g

Béo tổng: 33.9 g

Natri: 91.3 mg

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Bảo quản từ 5 đến 22 độ C và độ ẩm tương đối không quá 70%. Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
- Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
- Hạn sử dụng : 24 tháng từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: SOBRANIE LLC
- Địa chỉ: 152385, Vùng Yaroslavl, quận Balsheselsky, làng Varegovo (huyện Veregovsky), số 36 đường Nayn put.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 92/Moonmilk/2026

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Nha Trang, Ngày 17 tháng 9 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Kính gửi các cơ quan hữu quan!

Công ty: MOONMILK

Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4201570744 Điện thoại: 0976682860

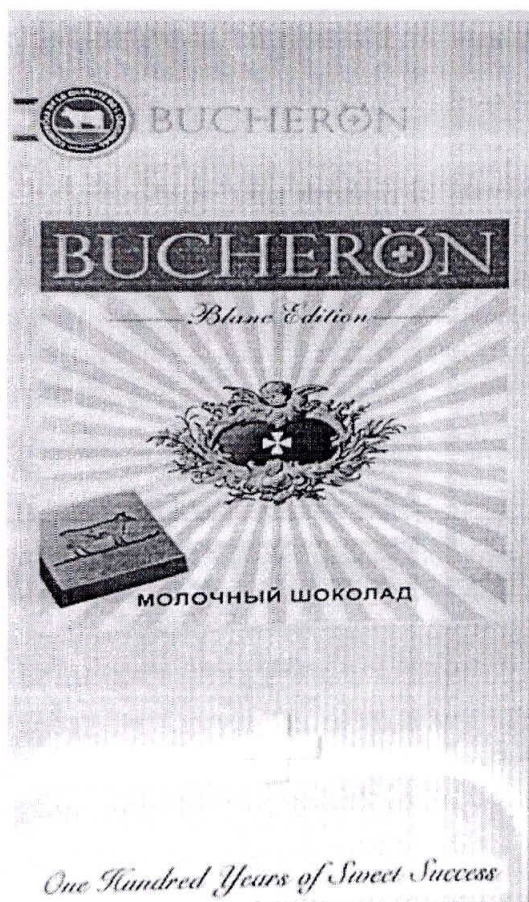
Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Long Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành về nhãn hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu, công ty Moonmilk xin xác nhận nhãn thực phẩm nhập khẩu theo thông tin sau:

Tên sản phẩm: Socola sữa Blanc Edition hiệu BUCHERON

Xuất xứ: Nga

Nhãn chính:



BUCHERON

Blanc Edition

Коллекция Blanc Edition — это шоколад класса премиум, в котором сочетаются традиционная рецептура и новые авторские технологии. Изготовлен только из натуральных ингредиентов.

МОЛОЧНЫЙ ШОКОЛАД

SÔ CÔ LA SỮA. Thành phần: đường, bơ cao, bột whey, khối cao, sữa bột tách béo, bơ copa tương đương, sữa, bột cao, chất nhũ hóa (lecithin đậu nành), hương liệu chiết xuất vanila. Có chứa các sản phẩm từ sữa. Có thể chứa dấu vết của đậu nành, các loại hạt và đậu phộng Rêu sô cô la chứa: tổng lượng cao khô - ít hơn 25,0%, bột cao tách béo - không ít hơn 70%, sữa bột tách béo và (hoặc các sản phẩm sữa - không ít hơn 19,0%, chất béo sữa - hoặc ít hơn 25% Tổng hàm lượng các sản phẩm cao trong khối lượng sô cô la - ít hơn 25,0% Giá trị dinh dưỡng trên 100 g sản phẩm (giá trị trung bình): protein - 55g cho - 30,0g (bao gồm axit béo bão hòa - không quá 21,0%, bao gồm các đồng phân chuyển vị của axit béo không bão hòa - không quá 2,5%); carbohydrate - 58g. Bối cảnh năng lượng (giá trị con) (100 g): 2200 kJ/525 kcal Bảo quản ở nhiệt độ từ +5 °C đến +22 °C và độ ẩm tương đối không quá 70%. Không để tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời GOSTR 70337-2022. Nhà sản xuất SOBRANIE LLC, 36 Đường Nayn put, Làng Voregovo (Varegovsky s/s), Quận Balsheselsky, Vùng Yaroslavl, Nga, 152385 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đáp ứng các yêu cầu của ISO 22000-2018

Net weight / Poids net / Netto

MASSA NETTO 85 g / ТАЗА САЛМАФИ 85 г / NET WEIGHT 85 g

SOBRANIE®

EUROPEAN UNION



ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK
GIÁM ĐỐC
(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Hữu Long

BẢN DỊCH

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi Nguyễn Thị Thanh Tuyền, Căn cước công dân số: 038189051854, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt

Ngày 02 tháng 10 năm 2025

Người dịch

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Ngày 02 tháng 10 năm 2025 (Bằng chữ: Ngày hai tháng mười năm hai ngàn không trăm hai mươi lăm). Tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ: Số 13 Hoàng Hoa Thám, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tôi Lê Tấn Trung, là công chứng viên, Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa

CHỨNG THỰC

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: ...**0.0.1.1.5.6**... quyền số: 02/2025-SCT/CKND.

Ngày 02 tháng 10 năm 2025

CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê Tấn Trung

TỈNH
PHÒNG
CÔNG CHỨNG
SỐ 1

GIẤY XÁC NHẬN NHẬN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Kính gửi các cơ quan hữu quan!

Công ty: MOONMILK

Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4201570744 Điện thoại: 0976682860

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Long Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành về nhãn hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu, công ty Moonmilk xin xác nhận nhận thực phẩm nhập khẩu theo thông tin sau:

Tên sản phẩm: Sôcôla sữa Blanc Edition hiệu BUCHERON

Xuất xứ: Nga

Nhãn chính:



BUCHERON

Blanc Edition

Коллекция Blanc Edition — это шоколад класса премиум, в котором сочетаются традиционная рецептура и новые авторские технологии. Изготовлен только из натуральных ингредиентов.

МОЛОЧНЫЙ ШОКОЛАД

RU/RU Состав: сахар, масло какао, сухая молочная сыворотка, какао тертое, сухие обезжиренные молоко, эквивалент масла какао, молочный жир, какао-порошок, эмульгатор (лецитин соевый), ароматизатор «Экстракт ванили». Содержит молочные продукты. Может содержать следы сои, орехов и злаков. Шоколадная масса содержит: общий сухой остаток какао — не менее 25,0%, сухой обезжиренный остаток какао — не менее 7,0%, сухой обезжиренный остаток молока и (или) молочных продуктов — не менее 19,0%, молочный жир — не менее 2,5%. Общее содержание какао-продуктов в шоколадной массе — не менее 25,0%. Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): белки — 5,5 г, жиры — 30,0 г (в том числе в насыщенные жирные кислоты — не более 7,0%), в том числе транс-изомеры ненасыщенных жирных кислот — не более 0,5%), углеводы — 58,0 г. Энергетическая ценность (калорийность): 100 г: 2200 кДж/525 ккал. Хранить при температуре от +5 °C до +22 °C и относительной влажности воздуха не более 70%. Не подвергать воздействию прямого солнечного света. ГОСТ Р 70037-2022. Изготовитель: ООО «СОБРАНИЕ», Россия, 152305, Ярославская обл., Болоховский район, с. Воротово (Воротковский с/п), ул. Новый путь, д. 36. Система менеджмента безопасности пищевой продукции сертифицирована по международному стандарту ISO 22000:2018.

KZ СУТТІ ШОКОЛАД. Состав: сахар, какао-масло, сухая молочная сыворотка, какао тертое, сухие обезжиренные молоко, эквивалент масла какао, молочный жир, какао-порошок, эмульгатор (лецитин соевый), ароматизатор «Экстракт ванили». Содержит молочные продукты. Может содержать следы сои, орехов и злаков. Шоколадная масса содержит: общий сухой остаток какао — не менее 25,0%, сухой обезжиренный остаток какао — не менее 7,0%, сухой обезжиренный остаток молока и (или) молочных продуктов — не менее 19,0%, молочный жир — не менее 2,5%. Общее содержание какао-продуктов в шоколадной массе — не менее 25,0%. Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): белки — 5,5 г, жиры — 30,0 г (в том числе в насыщенные жирные кислоты — не более 7,0%), в том числе транс-изомеры ненасыщенных жирных кислот — не более 0,5%), углеводы — 58,0 г. Энергетическая ценность (калорийность): 100 г: 2200 кДж/525 ккал. Хранить при температуре от +5 °C до +22 °C и относительной влажности воздуха не более 70%. Не подвергать воздействию прямого солнечного света. ГОСТ Р 70037-2022. Изготовитель: ООО «СОБРАНИЕ», Россия, 152305, Ярославская обл., Болоховский район, с. Воротово (Воротковский с/п), ул. Новый путь, д. 36. Система менеджмента безопасности пищевой продукции сертифицирована по международному стандарту ISO 22000:2018.

EN MILK CHOCOLATE. Ingredients: sugar, cocoa butter, whey powder, cocoa mass, skimmed milk powder, cocoa butter equivalent, milk fat, cocoa powder, emulsifier (soy lecithin), vanilla extract. May contain traces of soy, nuts and peanuts. Chocolate mass contains: total dry cocoa residue — not less than 25.0%, skimmed cocoa powder — not less than 7.0%, skimmed milk powder and dry milk products — not less than 19.0%, milk fat — not less than 2.5%. Total content of cocoa products in chocolate mass — not less than 25.0%. Nutritional value per 100 g of product (average values): protein — 5.5 g, fat — 30.0 g (including saturated fatty acids — no more than 7.0%, including trans-isomers of unsaturated fatty acids — no more than 0.5%), carbohydrates — 58.0 g. Energy content (average value) (100 g): 2200 kJ/525 kcal. Store at temperature from +5 °C to +22 °C and relative humidity no more than 70%. Do not expose to direct sunlight. ГОСТ Р 70037-2022. Manufacturer: SOBRANIE LLC, 56 Novoy puti Street, Votovo Village (Votovsky s/s), Bolsheselsky District, Yaroslavl Region, Russia, 152305. Food safety management system meets the requirements of ISO 22000:2018.



ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH
MOONMILK
Nguyễn Hữu Long



AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG KHOA HỌC AVATEK

Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: IPA1260400360-3

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 28/04/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 28/04/2026 - 08/05/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 15/05/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SÔ CÔ LA SỮA BLANC EDITION HIỆU BUCHERRON
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :



Qua





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG KHOA HỌC AVATEK

Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: IPA1260400360-3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber)	551	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm / Protein	9.75	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) / Carbohydrate (Not included fiber)	51.6	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) / Total sugar (as glucose)	45.2	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng / Total fat	33.9	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) / Sodium (Na)	91.3	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 93/Moonmilk/2026

I.Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: import1.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II.Thông tin về sản phẩm:

- 1.Tên sản phẩm: Sô cô la đen hạt dẻ cười 72% hiệu BUCHERON.
2. Thành phần: Ca cao, đường, bơ ca cao, hạnh nhân rang, bột ca cao, chất nhũ hóa (da đậu nành).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.
- 4.Quy cách đóng gói: 90g, hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.
- 5.Chất liệu bao bì:Sản phẩm được đóng gói bằng giấy nhôm và nhãn giấy, hoặc đóng gói bằng PP hay PE sau đó đóng trong hộp giấy.
- 6.Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: SOBRANIE LLC
- 7.Địa chỉ: Noviy put st. 36, Vargovo (Vargovski s/s), vùng Yaroslavl, khu vực Bolsheselskiy, 152385, Nga.

III.Mẫu nhãn sản phẩm dự thảo: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV.Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Bảng thông số sản phẩm

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khoảng 9944 ngày 15 tháng 07 năm 2026
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Long

Độc tố vi nấm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	Ug/kg	5
2	Aflatoxin Tổng số	Ug/kg	15



Kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	Mg/kg	2,0
2	Arsen (As)	Mg/kg	1,0
3	Cadimi (Cd)	Mg/kg	1,0
4	Thủy Ngân (Hg)	Mg/kg	0,05

Các chỉ tiêu vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10000
2	Tổng số bào tử nấm men – mốc	CFU/g	500
3	Coliforms	CFU/g	10
4	E.coli	CFU/g	Không có
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	Không có
6	Clostridium perfringens	CFU/g	Không có
7	Bacillus cereus	CFU/g	Không có

Nhãn phụ dự kiến



Sô cô la đen hạt dẻ cười 72% hiệu BUCHERON.

Thành phần: Ca cao, đường, bơ ca cao, hạnh nhân rang, bột ca cao, chất nhũ hóa (da đậu nành).

Giá trị dinh dưỡng trên 100 g (+/-20%):

Năng lượng: 549 kcal

Đạm / Protein: 10.5 g

Carbohydrate: 31 g

Đường: 24.2 g

Béo tổng: 42.6 g

Natri: 14.6 mg

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Bảo quản từ 5 đến 22 độ C và độ ẩm tương đối không quá 70%. Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
- Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
- Hạn sử dụng : 18 tháng từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: SOBRANIE LLC
- Địa chỉ: Noviy put st. 36, Varegovo (Varegovskiy s/s), vùng Yaroslavl, khu vực Bolsheselskiy, 152385, Nga.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:

CÔNG TY TNHH MOONMILK

Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

SĐT: 0258 3553 888

- Số công bố : 93/Moonmilk/2026



Trang/ Page No: 1/2

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OKC9250900616-2

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 23/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 23/09/2025 - 04/10/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 04/10/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SÔCÔLA SỮA BLANC EDITION HIỆU BUCHERON
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.044	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.172	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	0.051	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)
6	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	0	MPN/g	TCVN 7924-3:2017(ISO 16649-3:2015)
7	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
8	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	ISO 15213-2:2023
9	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
10	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	<10	CFU/g	TCVN 8275-2:2010(ISO 21527-2:2008)
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	7.4×10^3	CFU/g	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)





Trang/ Page No: 2/2

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OKC9250900616-2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
13	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH



1

BẢN DỊCH

Lời chứng chứng thực chữ ký người dịch

Tôi Nguyễn Thị Thanh Tuyền, Thẻ Căn cước công dân số: 038189051854, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

Người dịch

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 (Ngày mười tám tháng mười hai năm hai ngàn không trăm hai mươi lăm).

Tại trụ sở Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa, Số 13 Hoàng Hoa Thám, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Tôi **LÊ TẤN TRUNG**, là công chứng viên của Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa

Chứng thực

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Tôi đã đối chiếu chữ ký người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền đã đăng ký tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa.

Văn bản chứng thực này được lập thành 02 (hai) bản gốc (mỗi bản gốc gồm 02 tờ, 02 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa.

Số chứng thực**001838**...quyển số: 02/2025 -SCT/CKND

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Tấn Trung

CÔNG TY TNHH MOONMILK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, Ngày 24 tháng 11 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Kính gửi các cơ quan hữu quan!

Công ty: MOONMILK

Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4201570744

Điện thoại: 0976682860

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Long

Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành về nhãn hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu, công ty

Moonmilk xin xác nhận nhãn thực phẩm nhập khẩu theo thông tin sau:

Tên sản phẩm: Socola đen hạt dẻ cười 72% hiệu BUCHERON

Xuất xứ: Nga

Nhãn chính:



Для этого шоколада были отобраны гватемальские какао-бобы Trinitario. Они обеспечивают однородность вкуса, позволяющую добавить в него новый яркий оттенок. Во фруктово-ягодную, слегка вязущую доминанту буквально вписаны вкус жареных зеленых фисташек, с их смолистой ноткой и оттенком тыквенной семечки. Аромат у шоколада умеренной интенсивности с едва различимыми пряными переливами. BUCHERON — дегустационный шоколад для истинных ценителей.

ГОРЬКИЙ ШОКОЛАД С ФИСТАШКАМИ

RU/BY | Состав: какао тертое, сахар, масло какао, какао-порошок, фисташки жареные дробленые, эмульгатор (лецитин соевый), экстракт ванили. Может содержать следы молочных продуктов, арахиса. Общее содержание сухого остатка какао в шоколадной массе — не менее 72,0%. Массовая доля насыщенных жирных кислот — 24,0%, массовая доля транс-изомеров ненасыщенных жирных кислот — 0%. Общее содержание какао-продуктов в шоколадной массе — не менее 72,0%. Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): белки — 9,0 г, жиры — 41,0 г, углеводы — 30,0 г. Энергетическая ценность (100 г): 530 ккал/2180 кДж. Хранить при температуре от +5°C до +22°C с относительной влажностью воздуха не более 70%. Не подвергать воздействию прямого солнечного света. ГОСТ Р 70337-2022. Изготовитель: ООО «СОБРАНИЕ», Россия, 152385, Ярославская обл., Большесельский р-н, д. Варегово (Вареговский с/п), ул. Новый путь, д. 36. Система менеджмента безопасности пищевой продукции сертифицирована по международному стандарту ISO 22000:2018.

KZ | ПІСТЕ ҚОСЫЛҒАН АШЫ ШОКОЛАД. Құрамы: ұйытқылған какао, қант, какао майы, какао ұнтағы, қуырылған ұнтақталған пісте, эмульгатор (соя лецитин), ваниль сығындысы. Құрамында сүт өнімдерінің және жержаңғақтың іздері болуы мүмкін. Какаоның шоколадты массадағы құрғақ қалдығының жалпы мөлшері — 72,0%-дан кем емес. Қаныққан майлы қышқылдардың массалық үлесі — 24,0%, қанықпаған майлы қышқылдардың транс-изомерлерінің массалық үлесі — 0%. Какао өнімдерінің шоколадты массадағы жалпы мөлшері — 72,0%-дан кем емес. 100 г өнімнің тағамдық құндылығы (орташа мәндер): ақуыздар — 9,0 г, майлар — 41,0 г, көмірсулар — 30,0 г. Энергетикалық құндылығы (100 г): 530 ккал/2180 кДж. +5°C-ден +22°C дейінгі температурада және ауаның 70%-дан аспайтын салыстырмалы ылғалдылығында сақтау керек. Тұра күй саулетінің әсер етуіне ұшырап-топу керек. ГОСТ Р 70337-2022. Өндіруші: «СОБРАНИЕ» ЖШҚ, Ресей, 152385, Ярославль обл., Большесельский ауд., Варегово а. (Варегово а/к), Новый путь х-а, 36-үй. Тағамдық өнім қауіпсіздігі менеджментінің жүйесі ISO 22000:2018 халықаралық стандарт бойынша сертифицирталған.

EN | DARK CHOCOLATE WITH PISTACHIOS. Ingredients: cocoa mass, sugar, cocoa butter, cocoa powder, roasted ground pistachios, emulsifier (soya lecithin), vanilla extract. May contain traces of dairy products and peanuts. Total dry cocoa solids content in chocolate mass — 72.0% min. Mass fraction of saturated fatty acids — 24.0%, mass fraction of trans isomers of unsaturated fatty acids — 0%. Total cocoa products content in chocolate mass — 72.0% min. Nutritional value per 100 g (average values): proteins — 9.0 g; fat — 41.0 g; carbohydrates — 30.0 g. Energy value (100 g): 530 kcal/2180 kJ. Store at temperature from +5 °C to +22 °C and relative humidity no more than 70%. Avoid exposure to direct sunlight. GOST R 70337-2022. Manufactured by: SOBRANIE LLC, 36 Noviy puti street, Varogovo (Varogovskiy s/s), Bolsheselskiy area, Yaroslavl region 152385, Russia. Food safety management system is certified according to the international standard ISO 22000:2018.

ИЗОБРАЖЕНИЯ НОСЯТ ИЛЛЮСТРАТИВНЫЙ ХАРАКТЕР

Дата изготовления:
Өндірілген күні:
Production date:

Годен до:
Жарамдылық мерзімі:
Best before:

EAC **FE** **C/PAP** **PP** **SOBRANIE®**

МАССА НЕТТО 100 Г/ТАЗА САЛМАҒЫ 100 Г/NET WEIGHT 100 G SOBRANIE.COM.RU 4 607141 336324



GIÁM ĐỐC

Handwritten signature: Nguyễn Hữu Long

Red circular stamp: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Handwritten signature: [Signature]



Trang/ Page No: 1/2

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OKC9250900616-5

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 23/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 23/09/2025 - 04/10/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 04/10/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SOCOLA ĐEN HẠT DẸ CƯỜI 72% HIỆU BUCHERON
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	0.018	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)
6	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	0	MPN/g	TCVN 7924-3:2017(ISO 16649-3:2015)
7	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
8	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	ISO 15213-2:2023
9	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
10	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	<10	CFU/g	TCVN 8275-2:2010(ISO 21527-2:2008)
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	2.6 x 10 ³	CFU/g	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)

Qua





Trang/ Page No: 2/2

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OKC9250900616-5

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	2.07	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
13	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	1.66	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





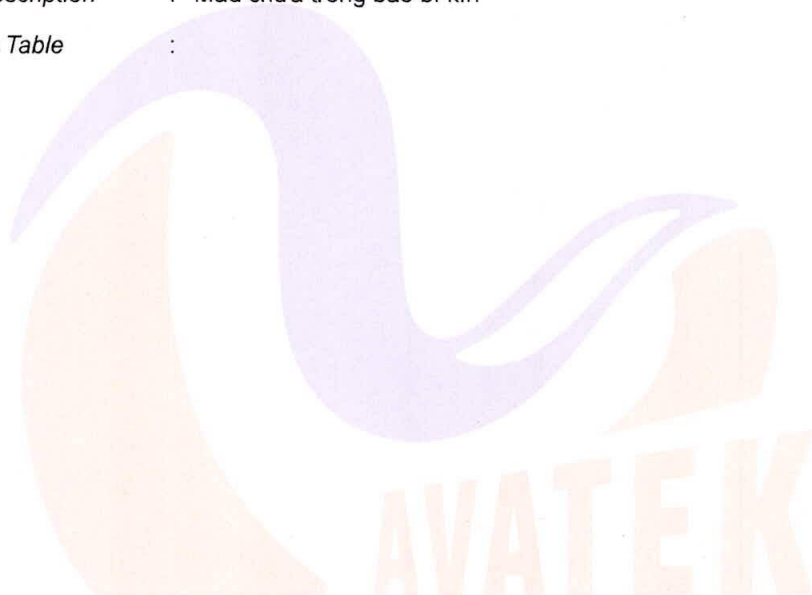
AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG KHOA HỌC AVATEK

Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: IPA1260400360-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 28/04/2026
received
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 28/04/2026 - 08/05/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 15/05/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SOCOLA ĐEN HẠT DẸ CƯỜI 72% HIỆU BUCHERON
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG KHOA HỌC AVATEK

Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: IPA1260400360-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber)	549	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm / Protein	10.5	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) / Carbohydrate (Not included fiber)	31.0	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) / Total sugar (as glucose)	24.2	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng / Total fat	42.6	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) / Sodium (Na)	14.6	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 94/Moonmilk/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: import1.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Sô cô la đen với hạnh nhân hiệu BUCHERON
2. Thành phần: Ca cao, đường, bơ ca cao, hạnh nhân rang, bột ca cao, chất nhũ hóa (da đậu nành).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói: 90g, hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.
5. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói bằng giấy bạc và nhãn giấy, hoặc đóng gói bằng PP hay PE sau đó đóng trong hộp giấy.
6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: SOBRANIE LLC
7. Địa chỉ: Noviy put st. 36, Varegovo (Varegovskiy s/s), vùng Yaroslavl, khu vực Bolsheselskiy, 152385, Nga.

III. Mẫu nhãn sản phẩm dự thảo: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Bảng thông số sản phẩm

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2026

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Long

Độc tố vi nấm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	Ug/kg	5
2	Aflatoxin Tổng số	Ug/kg	15



Kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	Mg/kg	2,0
2	Arsen (As)	Mg/kg	1,0
3	Cadimi (Cd)	Mg/kg	1,0
4	Thủy Ngân (Hg)	Mg/kg	0,05

Các chỉ tiêu vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10000
2	Tổng số bào tử nấm men – mốc	CFU/g	500
3	Coliforms	CFU/g	10
4	E.coli	CFU/g	Không có
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	Không có
6	Clostridium perfringens	CFU/g	Không có
7	Bacillus cereus	CFU/g	Không có

Nhãn phụ dự kiến



- **Sô cô la đen với hạnh nhân hiệu Bucheron**

Thành phần: Ca cao, đường, bơ ca cao, hạnh nhân rang, bột ca cao, chất nhũ hóa (da đậu nành).

Giá trị dinh dưỡng trên 100 g (+/-20%):

Năng lượng: 540 kcal

Đạm / Protein: 11.5 g

Carbohydrate: 31.4 g

Đường: 28.1 g

Béo tổng: 41 g

Natri: 4.01 mg

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Bảo quản từ 5 đến 22 độ C và độ ẩm tương đối không quá 70%. Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
- Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng, sản phẩm có thể chứa các loại sản phẩm từ sữa và đậu phộng.
- Hạn sử dụng : 18 tháng từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: SOBRANIE LLC
- Địa chỉ: Noviy put st. 36, Varegovo (Varegovskiy s/s), vùng Yaroslavl, khu vực Bolsheselskiy, 152385, Nga.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 94/Moonmilk/2026

BẢN DỊCH

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Nha Trang, Ngày 17 tháng 9 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Kính gửi các cơ quan hữu quan!

Công ty: MOONMILK

Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

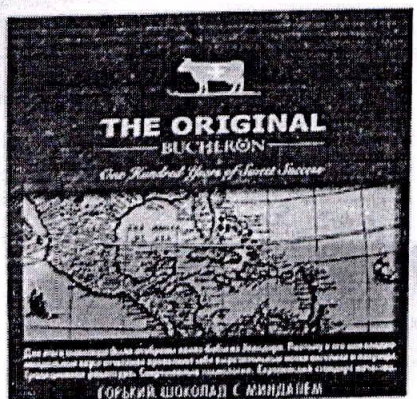
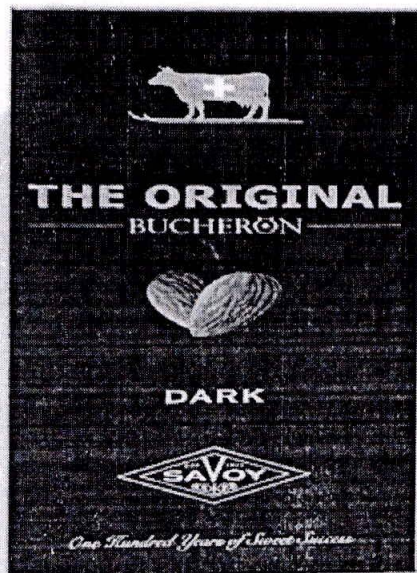
Mã số thuế: 4201570744 Điện thoại: 0976682860

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Long Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành về nhãn hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu, công ty Moonmilk xin xác nhận nhãn thực phẩm nhập khẩu theo thông tin sau:

Tên sản phẩm: Socola đen với hạnh nhân BUCHERON Xuất xứ: Nga

Nhãn chính:



SÔ CÔ LA ĐEN VỚI HẠNH NHÂN

SÔ CÔ LA ĐEN VỚI HẠNH NHÂN. Thành phần: khối lượng ca cao, đường, bơ ca cao, hạnh nhân rang, bột ca cao, chất nhũ hóa (đại đậu nành). Có thể chứa các loại sản phẩm từ sữa và đậu phộng. Tổng lượng ca cao còn lại (theo trọng lượng khô) trong khối lượng sô cô la - tối thiểu 72,0%. Phần khối lượng chất béo bão hòa (chất béo bão hòa) - 24,0%, phần khối lượng đồng phân trans của axit béo không bão hòa (chất béo chuyển hóa) - 0%. Tổng hàm lượng sản phẩm ca cao trong khối lượng sô cô la - tối thiểu 72,0%. Giá trị dinh dưỡng trên 100 g (giá trị trung bình): protein - 11,0 g; fot - 41,0 g; carbohydrate - 28,0 g. Giá trị năng lượng (100 g): 530 kcal/2180 kJ. Bảo quản ở nhiệt độ từ +5°C đến +22°C và độ ẩm tương đối không quá 70%. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời. GOST R 70337-2022.

Nhà sản xuất: SOBRANIE LLC, Noviy put st. 36, Vargovo (Varegovskiy s/s), vùng Yaroslavl, khu vực Bolsheselskiy, 152385, Nga. Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu ISO 22000:2018.



KHỐI LƯỢNG TỊNH 90G

ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK
GIÁM ĐỐC

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Hữu Long

BẢN DỊCH

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi Nguyễn Thị Thanh Tuyền, Căn cước công dân số: 038189051854, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt

Ngày 02 tháng 10 năm 2025

Người dịch

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Ngày 02 tháng 10 năm 2025 (Bằng chữ: Ngày hai tháng mười năm hai ngàn không trăm hai mươi lăm). Tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ: Số 13 Hoàng Hoa Thám, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tôi Lê Tấn Trung, là công chứng viên, Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa

CHỨNG THỰC

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: ...**0.0.1.1.5.9**.....quyển số: 02/2025-SCT/CKND.

Ngày 02 tháng 10 năm 2025

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Tấn Trung

GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Kính gửi các cơ quan hữu quan!

Công ty: MOONMILK

Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

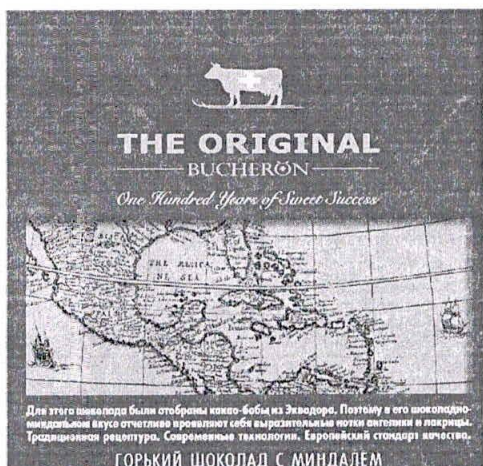
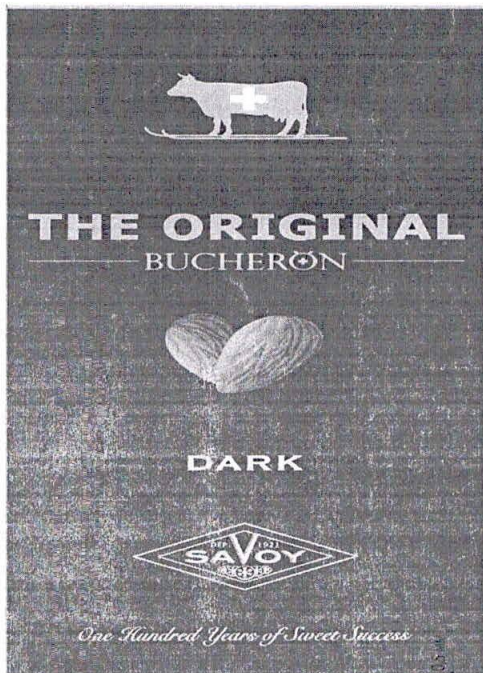
Mã số thuế: 4201570744 Điện thoại: 0976682860

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Long Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành về nhãn hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu, công ty Moonmilk xin xác nhận nhãn thực phẩm nhập khẩu theo thông tin sau:

Tên sản phẩm: Socola đen với hạnh nhân hiệu BUCHERON Xuất xứ: Nga

Nhãn chính:



ГОРЬКИЙ ШОКОЛАД С МИНДАЛЕМ

RU/BY | Состав: какао тертое, сахар, масло какао, миндаль жареный дробленый, какао-порошок, эмульгатор (лецитин соевый). Может содержать следы молочных продуктов и орехов. Общее содержание сухого остатка какао в шоколадной массе – не менее 72,0%. Массовая доля насыщенных жирных кислот – 24,0%, массовая доля трансизомеров ненасыщенных жирных кислот – 0%. Общее содержание какао-продуктов в шоколадной массе – не менее 72,0%. Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): белки – 11,0 г; жиры – 41,0 г; углеводы – 28,0 г. Энергетическая ценность (100 г): 530 ккал/2180 кДж. Хранить при температуре от +5 °C до +22 °C и относительной влажности воздуха не более 70%. Не подвергать воздействию прямого солнечного света. ГОСТ Р 70337-2022. Изготовитель: ООО «СОБРАНИЕ», Россия, 152385, Ярославская обл., Большесельский р-н, с. Варегово (Вареговский с/с), ул. Новый путь, д. 36. Система менеджмента безопасности пищевой продукции сертифицирована по международному стандарту ISO 22000:2018.

KZ | БАДАМ ҚОСЫЛҒАН АШЫ ШОКОЛАД. Құрамы: үгілген какао, қант, какао майы, құмырлан ұсақтатылған бадам жаңғағы, какао ұнтағы, эмульгатор (соя лецитині). Құрамында аздаған малшерде сүт өнімдері жержаңғақ және балуы мүмкін. Шоколад массасындағы құрғақ какао қалдығының жалпы мөлшері – кем дегенде 72,0%. Қанықтырылған майлы қышқылдардың салмақтық үлесі – 24,0%, қанықтырылмаған майлы қышқылдар трансизомерлердің салмақтық үлесі – 0%. Шоколад массасындағы какао өнімдерінің жалпы мөлшері – кем дегенде 72,0%. 100 г өнімнің тағамдық құндылығы (орташа мағынасы): ақуыз – 11,0 г; майлар – 41,0 г; көмірсулар – 28,0 г. Энергетикалық құндылығы (100 г): 530 ккал/2180 кДж. +5 °C-ден +22 °C-ге дейінгі температурада және 70%-дан аспайтын ауаның салыстырмалы ылғалдылығында сақтау керек. Тікелей күн сәулелерінің түсуінен қорғаңыз. ГОСТ Р 70337-2022. Өндіруші: «СОБРАНИЕ» ЖШҚ, Ресей, 152385, Ярославль обл., Большесельский ауданы, Варегово с. (Вареговский с/с), Новый путь к-сі, 36. Тағамдық өнім қауіпсіздігі менеджментінің жүйесі ISO 22000:2018 халықаралық стандарт бойынша сертифицирланған.

EN | DARK CHOCOLATE WITH ALMONDS. Ingredients: cocoa mass, sugar, cocoa butter, roasted crushed almonds, cocoa powder, emulsifier (soya leathin). May contain traces of dairy products and peanuts. Total cocoa remainders (dry weight basis) in chocolate mass – 72,0% min. Mass fraction of saturated fatty acids (saturated fat) – 24,0%, mass fraction of trans isomers of unsaturated fatty acids (trans fat) – 0%. Total cocoa products content in chocolate mass – 72,0% min. Nutritional value per 100 g (average values): protein – 11,0 g; fat – 41,0 g; carbohydrates – 28,0 g. Energy value (100 g): 530 kcal/2180 kJ. Store at temperature from +5 °C to +22 °C and relative humidity no more than 70%. Avoid exposure to direct sunlight. GOST R 70337-2022. Manufactured by: SOBRANIE LLC, Noviy put st. 36, Varegovo (Varegovskiy s/s), Yaroslavl region, Bolsheselskiy area, 152385, Russia. Food safety management system meets the requirements of ISO 22000:2018.

ЕАЭС

4 610088 203321

SOBRANIE®

Дата изготовления/Өндірілген күні/Production date

Годен до/Жарамдылық мерзімі/Best before

МАССА НЕТТО 90 Г /ТАЗА САЛМАҒЫ 90 Г /NET WEIGHT 90 G

SOBRANIE.COM.RU Изображение носит иллюстративный характер

DAI DIEN CÔNG TY MOONMILK
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH
MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA
Nguyễn Hữu Long



Trang/ Page No: 1/2

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OKC9250900616-3

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 23/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 23/09/2025 - 04/10/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 04/10/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SOCOLA ĐEN VỚI HẠNH NHÂN HIỆU BUCHERON
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.011	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	0.016	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)
6	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	0	MPN/g	TCVN 7924-3:2017(ISO 16649-3:2015)
7	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
8	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	ISO 15213-2:2023
9	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
10	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	<10	CFU/g	TCVN 8275-2:2010(ISO 21527-2:2008)
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	6.4 x 10 ³	CFU/g	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OKC9250900616-3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
13	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





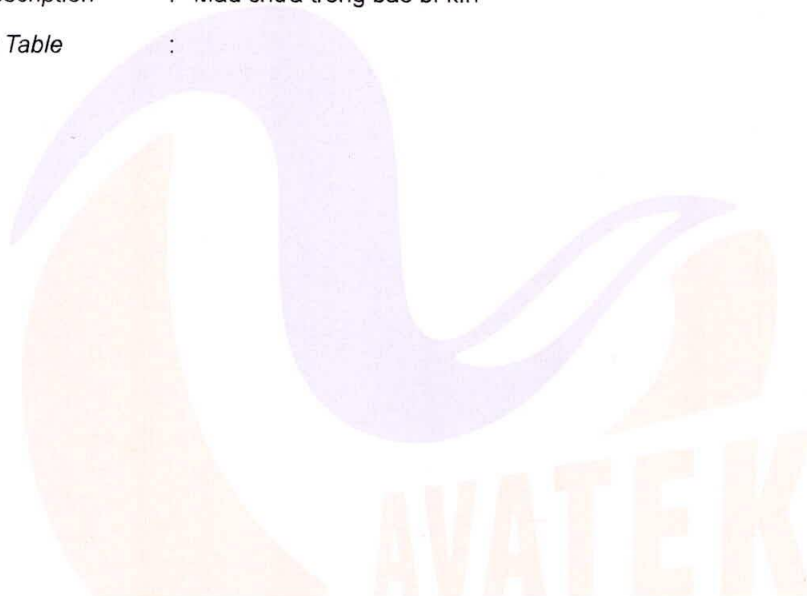
AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG KHOA HỌC AVATEK

Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: IPA1260400360-2

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 28/04/2026
received
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 28/04/2026 - 08/05/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 15/05/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SOCOLA ĐEN VỚI HẠNH NHÂN HIỆU BUCHRON
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG KHOA HỌC AVATEK

Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: IPA1260400360-2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber)	540	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm / Protein	11.4	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) / Carbohydrate (Not included fiber)	31.4	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) / Total sugar (as glucose)	28.1	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng / Total fat	41.0	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) / Sodium (Na)	4.01	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**) : Items are tested by subcontractor currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR


TRAN HOÀNG VINH

